TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Quý.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Ngọc Mai.
Bà Đinh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 45, xóm 2, thôn BC, xã ĐT, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 12, đường số 11, thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn B tự nguyện tìm hiểu, và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TL, tỉnh Bình Thuận, số giấy chứng nhận kết hôn 59/2015, đăng ký ngày 02/11/2015. Quá trình chung sống giữa anh chị hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn là do hai người có cách sống và suy nghĩ khác nhau, nên anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay; từ đó, làm cho tình cảm của chị đối với anh B phai nhạt dần. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh B, giữa vợ chồng anh chị không còn yêu thương, quý trọng nhau nên chị mong muốn được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Quốc D, sinh ngày 19/11/2015. Nay con D đang sống với chị, khi ly hôn thì chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn B:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn anh Trần Văn B không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Trần Văn B, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 22/3/2023 của ông Đinh Văn Tưởng là Thôn trưởng thôn 2, xã Đức Hạnh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận đã cung cấp một số thông tin như sau:

Anh Trần Văn B, sinh năm 1981; hiện nay có đăng ký hộ khẩu và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: Số nhà 12, đường số 11, thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng nhưng ít khi sống chung với nhau, anh B thường xuyên sinh sống tại địa phương, chị H và con sinh sống tại TL. Trong quá trình chung sống anh B và chị H không trình báo chính quyền về vấn đề mâu thuẫn vợ chồng cũng như nhờ chính quyền can thiệp hòa giải. Tuy nhiên, tại địa phương ghi nhận anh B, chị H có mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, không tin tưởng nhau, anh B có những mối quan hệ bất chính nên dẫn đến ghen tuông và chị H dẫn con về sống tại TL từ lâu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, nhưng bị đơn anh Trần Văn B không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự, đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn B hiện có 01 (một) con là Trần Quốc D, sinh ngày 19/11/2015; xét thấy hiện nay con D còn nhỏ và có nguyện vọng sống với chị H, theo nguyện vọng của chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Từ đó, nghĩ cần xem xét giao con D cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; còn nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn B tự nguyện tìm hiểu, và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TL, tỉnh Bình Thuận, số giấy chứng nhận kết hôn 59/2015, đăng ký ngày 02/11/2015. Quá trình chung sống giữa anh chị hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn là do hai người có cách sống và suy nghĩ khác nhau, nên anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay; từ đó, làm cho tình cảm của chị đối với anh B phai

nhạt dần. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh B, giữa vợ chồng anh chị không còn yêu thương, quý trọng nhau nên chị mong muốn được ly hôn với anh B.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho chị H ly hôn anh B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn B hiện có 01 (một) con là Trần Quốc D, sinh ngày 19/11/2015. Xét thấy hiện nay con D còn nhỏ và có nguyện vọng sống với chị H, theo nguyện vọng của chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ đó, nghĩ cần xem xét giao con cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Quốc D, sinh ngày 19/11/2015.

Anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh Bình lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014765 ngày 16 tháng 01 năm 2023. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *Chi cục THA huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Thuận, huyện Tánh Linh;*
- *Lưu HSVA, QĐ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**